TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 222/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Tấn B, năm sinh 1990; Địa chỉ: Số 14/13/24 đường T, Phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị Kim H, năm sinh 1993; Địa chỉ: Thôn U, xã Y, huyện V, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, ông Lê Tấn B và bà Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông B cư trú tại quận A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông B và bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 81 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 6 năm 2016 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Tấn B và bà Nguyễn Thị Kim H là vợ chồng hợp pháp. Ngày 24 tháng 02 năm 2020, ông B và bà H có đơn yêu cầu Tòa án công

nhận việc thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 3 năm 2020, ông B và bà H cùng thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tấn B và bà Nguyễn Thị Kim H thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thiên B1, ngày sinh 29 tháng 5 năm 2017 cho ông Lê Tấn B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cho bà Nguyễn Thị Kim H do ông B không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn của ông B và bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Ông Lê Tấn B và bà Nguyễn Thị Kim H cùng chịu 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Tấn B và bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thiên B1, ngày sinh 29 tháng 5 năm 2017 cho ông Lê Tấn B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cho bà Nguyễn Thị Kim H do ông B không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí ly hôn: Ông Lê Tấn B và bà Nguyễn Thị Kim H cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông B và bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016005 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Uỷ ban nhân dân Phường N, quận A;
(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 02/6/2016);
- Lưu hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Tuấn Nhu